

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST

Ngày: 17-9-2022

V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 17 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Trần Tấn P**, sinh năm 1975.

1.2. Bà **Nguyễn Lâm Minh X**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: số I, đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Hòa T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 3, đường M, Phường C, TP ., tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 25/9/2021).

2. Bị đơn:

2.1. **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, TP. S, Đồng Tháp.

2.2. Công ty TNHH X1.

Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, TP. S, Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Út . Chức vụ: Giám đốc.

(Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8: ngày 11/5/2022)

Anh T có mặt tại phiên toà; bị đơn bà Ú, bà Ú cũng là đại diện pháp luật bị đơn Công ty TNHH X1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Tấn P, bà Nguyễn Lâm Minh X là anh Nguyễn Hòa T trình bày:

Ông P, bà X và bà Ú, chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N có mối quan hệ làm ăn xăng dầu và các bên đã quen biết nhau lâu năm nên khi bà Ú và chị N hỏi vay tiền thì anh P, chị X đồng ý cho vay. Cụ thể:

- Lần 1, ngày 02/6/2019, bà Ú vay ông P, bà X số tiền là 7.000.000.000 đồng, ông P, bà X giao tiền vay cho bà Ú nhận 02 lần, buổi chiều ngày 02/6/2019 giao số tiền 5.000.000.000 đồng, buổi tối ngày 02/6/2019 giao số tiền 2.000.000.000 đồng, cả 02 lần này bà Ú đều viết biên nhận giao cho ông P, bà Xuân g, mục đích bà Ú vay tiền là để kinh doanh xăng dầu, ông P, bà X cho bà Ú vay tiền không tính lãi suất.

- Lần 2, ngày 06/6/2019, bà Ú vay ông P, bà X số tiền 3.000.000.000 đồng, bà Ú có viết biên nhận nhận tiền, cách thức giao tiền là bà Ú mượn tài khoản của con gái bà Ú là chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, yêu cầu ông P chuyển tiền vào tài khoản của chị N. Mục đích bà Ú vay tiền để kinh doanh xăng dầu, ông P, bà X cho bà Ú vay tiền không tính lãi suất.

- Lần 3, ngày 05/7/2019, bà Ú vay ông P, bà X số tiền 500.000.000 đồng, lần vay tiền này bà Ú không có viết biên nhận, cách thức giao tiền là bà Ú mượn tài khoản của con gái bà Ú là chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, yêu cầu ông P chuyển tiền vào tài khoản của chị N, mục đích bà Ú vay tiền cũng để kinh doanh xăng dầu, ông P, bà X cho bà Ú vay tiền không tính lãi suất.

Ngoài 03 lần vay trên thì ông P, bà X còn cho bà Ú vay tiền nhiều lần nữa nhưng không có làm biên nhận, mục đích bà Ú vay tiền để kinh doanh xăng dầu. Đến ngày 24/7/2020, bà Ú có làm giấy biên nhận xác nhận tổng số tiền vay của ông P, bà X là 18.400.000.000 đồng. Đến ngày 26/01/2021 chị Nguyễn Nguyệt T1 N là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH X1 xác nhận có sử dụng 10.500.000.000 đồng trong tổng số tiền ông P, bà X cho bà Ú vay 18.400.000.000 đồng, để hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty TNHH X1. Số tiền 18.400.000.000 đồng mà ông P, bà X cho bà Ú và Công ty TNHH X1 vay là tiền vốn, không có tiền lãi. Từ khi các bên tổng kết nợ đến nay, bà Ú và công ty TNHH X1 do bà N là đại diện pháp luật không

có trả vốn và lãi cho ông P, bà X được số tiền nào.

Đối với 02 lần ông P chuyển tiền cho bà Ú vay tiền, cách thức giao tiền vay là ông P chuyển tiền vào tài khoản của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N vào ngày 06/6/2019, chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng và ngày 05/7/2019 chuyển số tiền 500.000.000 đồng thì ông P, bà X xác định các lần chuyển tiền này là chuyển tiền cho bà Ú vay, không liên quan gì chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, do bà Ú mượn tài khoản của chị N, yêu cầu ông P chuyển tiền vào tài khoản của chị N nhưng người nhận tiền là bà Ú. Do đó, ông P, bà X không tranh chấp, yêu cầu gì đối với chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N.

Ngoài ra, giao dịch vay mượn tiền giữa ông P, bà X với bà Ú và công ty TNHH X1 chỉ là giao dịch dân sự nên ông P, bà X không yêu cầu xử lý hình sự đối với bà Ú và chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N.

Nay ông Trần Tấn P và bà Nguyễn Lâm Minh X yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú có trách nhiệm trả cho ông P, bà X số tiền vốn vay còn nợ là 7.900.000.000 đồng (Bảy tỷ, chín trăm triệu đồng) và Công ty TNHH X1 có trách nhiệm trả cho ông P và bà X số tiền vốn vay còn nợ là 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, ông P, bà X không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ú, công ty X1 do bà Nguyễn Thị Ú là đại diện theo pháp luật:** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã ra tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo cung cấp ý kiến và tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị Ú, bà Ú cũng là đại diện theo pháp luật Công ty TNHH X1 không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố S:**

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Ú có trách nhiệm trả cho ông P, bà X số tiền vốn vay còn thiếu là 7.900.000.000 đồng (Bảy tỷ, chín trăm triệu đồng) và Công ty TNHH X1 có trách nhiệm trả cho ông P và bà X số tiền vốn vay còn thiếu là 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú, trụ sở tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ú, bà Ú cũng là đại diện pháp luật của bị đơn Công ty TNHH X1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử bị đơn bà Ú và bà Ú cũng là đại diện pháp luật của bị đơn Công ty TNHH X1.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Về số tiền vốn vay còn nợ: Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Tân P, bà Nguyễn Lâm Minh X khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ú trả cho ông P, bà X số tiền vốn còn nợ là 7.900.000.000 đồng được nguyên đơn chứng minh bằng giấy mượn tiền đề ngày 24/7/2020 và bị đơn công ty TNHH X1 trả cho ông P, bà X số tiền vốn còn nợ là 10.500.000.000 đồng được nguyên đơn chứng minh bằng giấy xác nhận đề ngày 26/01/2021.

[3.2]. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ú, căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 24/7/2020 thì địa chỉ bà Ú là 418A, khóm T, phường T, TP ., tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường T, thành phố S thì bà Nguyễn Thị Ú có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số D, khóm T, phường T, thành phố S. Từ ngày 09/02/2022 (ngày thụ lý vụ án) cho đến nay bà Nguyễn Thị Ú đang sinh sống tại địa chỉ D, khóm T, phường T, thành phố S.

[3.3]. Đối với bị đơn Công ty TNHH X1 do bà Nguyễn Thị Ú làm Giám đốc, cũng là đại diện pháp luật của công ty (đăng ký thay đổi giấy phép kinh doanh lần thứ 8 ngày 11/5/2022) và bà Nguyễn Nguyệt T1 N là giám đốc- đại diện pháp luật của bị đơn Công ty TNHH X1 từ ngày 04/6/2020 đến trước ngày thay đổi ngày 11/5/2022) thì theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH X1 tại số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp và theo kết quả cung cấp thông tin của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp tại Công văn số 2199/SKHĐT-ĐKKD ngày 12/8/2022 thì Công ty TNHH X1 vẫn còn tồn tại trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Tháp không nhận được thông báo tạm ngưng kinh doanh hay giải thể của Công ty.

[3.4]. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ú, đối với bị đơn Công ty TNHH X1 thì kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã ra tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo cung cấp ý kiến và tài liệu chứng cứ và các

văn bản tổ tụng hợp lệ tại đúng địa chỉ của bị đơn bà Nguyễn Thị Ú và bị đơn Công ty TNHH X1 nhưng bà Nguyễn Thị Ú và đại diện pháp luật của Công ty TNHH X1 không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc, cũng như không đến tham dự phiên tòa.

[3.5]. Mặt khác, căn cứ kết luận giám định số 622/KL-KTHS ngày 26/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh Đ thì chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Ú trong giấy mượn tiền đề ngày 24/7/2020 được ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Ú trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

[3.6]. Đối với bị đơn Công ty TNHH X1 thì theo kết quả cung cấp thông tin của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp tại Công văn số 2199/SKHĐT-ĐKKD ngày 12/8/2022 thì tại thời điểm hiện tại bà Nguyễn Thị Ú là giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X1 nhưng tại thời điểm làm xác nhận nợ ngày 26/01/2021 thì chị N là giám đốc - đại diện pháp luật của Công ty TNHH X1, do đó việc chị Tuyết N ký xác nhận có sử dụng số tiền 10.500.000.000 đồng trong tổng số tiền 18.400.000.000 đồng dùng để hoạt động kinh doanh cho công ty X1 nên Công ty TNHH X1 phải có trách nhiệm trả nợ cho ông P, bà X.

Tại Điều 85 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về đại diện của pháp nhân.

Đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền. Người đại diện của pháp nhân phải tuân theo quy định về đại diện tại Chương IX Phần này.

Tại Khoản 1 Điều 87 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Trách nhiệm dân sự của pháp nhân

“1. Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân.

....”

[3.7]. Ngoài ra, căn cứ kết luận giám định số 622/KL-KTHS ngày 26/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh Đ thì chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Nguyệt Tuyết N trong giấy ghi nội dung xác nhận số tiền 10.500.000.000 đồng đề ngày 26/01/2021 (chị N có ký tên và đóng mộc đỏ dấu Công ty TNHH X1) được ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Nguyệt Tuyết N trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

[3.8]. Về tiền lãi: do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Như vậy, từ những căn cứ trên, bà Nguyễn Thị Ú có trách nhiệm trả cho ông P, bà X số tiền vốn vay còn nợ là 7.900.000.000 đồng (Bảy tỷ, chín trăm triệu đồng) và Công ty TNHH X1 có trách nhiệm trả cho ông P và bà X số tiền vốn vay còn nợ là 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng).

[4]. Đối với 02 lần ông P chuyển tiền cho bà Ú vay tiền, cách thức giao tiền

vay là ông P chuyển tiền vào tài khoản của chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N vào ngày 06/6/2019, chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng và ngày 05/7/2019 chuyển số tiền 500.000.000 đồng thì ông P, bà X xác định các lần chuyển tiền này là chuyển tiền cho bà Ú vay, không liên quan gì chị Nguyễn Nguyệt Tuyết N, do bà Ú mượn tài khoản của chị N, yêu cầu ông P chuyển tiền vào tài khoản của chị N nhưng người nhận tiền là bà Ú. Do đó, ông P, bà X không tranh chấp, yêu cầu gì chị Nguyễn Nguyệt T1 Ngân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết nguyên đơn đã nộp tạm ứng là 14.880.000 đồng. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền chi phí giám định theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tấn P, bà Nguyễn Lâm Minh X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú, công ty TNHH X1 trả số tiền vốn vay còn nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị Ú có trách nhiệm trả cho ông P, bà X số tiền vốn vay còn nợ là 7.900.000.000 đồng (Bảy tỷ, chín trăm triệu đồng).

Buộc Công ty TNHH X1 có trách nhiệm trả cho ông P và bà X số tiền vốn vay còn nợ là 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ú phải nộp 115.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty TNHH X1 phải nộp 118.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Trần Tấn P, bà Nguyễn Lâm Minh X số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000552 ngày 09/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

3. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Ú và Công ty TNHH X1 liên đới chịu phí giám định là 14.880.000 đồng để hoàn trả cho ông Trần Tấn P, bà Nguyễn Lâm Minh X (do ông P, bà X đã nộp tạm ứng và chi xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Tuấn Em

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn Em